

Bản án số: 722/2021/HS-PT

Ngày 27/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Thẩm phán: Ông Mai Văn Quang, ông Hoàng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Huyền, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:*** Bà Đặng Thị Kiều Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2021, tại Tòa án Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 336 ngày 19/4/2021; Do có kháng cáo của bị cáo Vương Văn T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: **Vương Văn T**, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn 9/12; Con ông Vương Quý L, sinh năm 1929 và con bà Cao Thị M, đã chết; Vợ Ngô Thị B, sinh năm 1978; Có 02 con, sinh năm 2009 và năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2020 đến nay tại trại giam T16 - Bộ Công an (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần V, Công ty TNHH Luật N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị cáo không kháng cáo: Vũ Ngọc H, sinh năm 1985; HKTT: Tổ 2, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Vụ án còn có 80 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp và Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ

đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, theo đó giáo viên dạy lái xe tại các Trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe ô tô phải có chứng chỉ sư phạm dạy nghề của các Trường có đủ tiêu chuẩn dạy và cấp chứng chỉ. Do đã từng là giáo viên dạy lái xe ô tô nên bị cáo Vũ Ngọc H quen rất nhiều giáo viên dạy lái xe chưa có chứng chỉ sư phạm dạy nghề và biết nhu cầu của một số giáo viên trên muốn có chứng chỉ mà không cần phải đi học, đi thi. Bị cáo H nảy sinh ý định thuê người làm giả chứng chỉ sư phạm dạy nghề để bán cho các đối tượng giáo viên này kiếm lời. Bị cáo H bàn bạc, thỏa thuận với bị cáo Vương Văn T, làm nghề in ấn biển quảng cáo, dùng chứng chỉ sư phạm dạy nghề của H đã được Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cấp năm 2011, để T làm mẫu làm giả các chứng chỉ sư phạm dạy nghề. H trả cho T với giá 800.000 đồng/chứng chỉ.

Qua các mối quan hệ xã hội, H làm quen với Nguyễn Thị H sinh năm 1981, là nhân viên bộ môn đào tạo lái xe Trường Trung cấp Thuận Thành; Nguyễn Ngọc T sinh năm 1974, là giáo viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lái xe của Trường Đại học Kỹ thuật Hậu cần Công an nhân dân và Phan Anh T sinh năm 1973, nguyên là Trưởng phòng đào tạo Trường Trung cấp Ngọc Hà. H tự giới thiệu với những người trên về bản thân là cán bộ của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, nếu giáo viên nào muốn được cấp chứng chỉ sư phạm dạy nghề thì nộp hồ sơ học (Gồm ảnh, bản sao giấy chứng minh nhân dân, lý lịch cá nhân và 1.000.000 đồng) cho H để làm chứng chỉ, nhưng không nói gì về cách thức học, thi để cấp chứng chỉ như thế nào. Do tin tưởng lời giới thiệu của H nên trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, quá trình tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ xin làm giáo viên thực hành dạy lái xe, nếu thấy các hồ sơ thiếu chứng chỉ sư phạm dạy nghề thì H, T và T thông báo cho các cá nhân đó phải bổ sung chứng chỉ thì mới đủ điều kiện để được tham gia lớp tập huấn dạy lái xe do Sở Giao thông vận tải tổ chức, từ đó mới đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận giáo viên thực hành dạy lái xe. Nếu muốn có chứng chỉ sư phạm dạy nghề thì nộp hồ sơ đăng ký học và tiền học phí để H, T và T nộp giúp hồ sơ vào Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Trong thời gian trên, đã có 80 cá nhân nộp hồ sơ cho H, T và T. Sau khi nhận được hồ sơ và tiền học phí của các cá nhân trên, H, T và T đã chuyển toàn bộ 80 bộ hồ sơ cùng số tiền 80.000.000 đồng cho Vũ Ngọc H. Cụ thể: H nhận của H 23 bộ hồ sơ và 23.000.000 đồng, nhận của T 17 bộ hồ sơ và 17.000.000 đồng, nhận của Tuấn 40 bộ hồ sơ và 40.000.000 đồng. Trong số 40 cá nhân đã chuyển hồ sơ và tiền cho Phạm Anh T, có 06 người hiện chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể là Lưu Mạnh H sinh năm 1982, Đặng Tuấn A sinh năm 1984, Phùng Văn H sinh năm 1989, Nguyễn Văn Tsinh năm 1964, Trần Đức H sinh năm 1981 và Nguyễn Văn Th sinh năm 1990.

Số còn lại gồm 74 người, đã xác định được nhân thân và đã đến làm việc với cơ quan điều tra, cung cấp thông tin sự việc.

Trong số 23 cá nhân chuyển hồ sơ và tiền cho Nguyễn Thị H, có 02 chứng chỉ sư phạm dạy nghề có thông tin và ảnh của Trần Văn Nguyễn, Phạm Văn Thắng đã bị thất lạc. Quá trình điều tra, Trần Văn Nguyễn và Phạm Văn Thắng khai nhận là sau khi nộp hồ sơ và tiền cho Nguyễn Thị H thì một thời gian sau có nhận được chứng chỉ sư phạm dạy nghề từ chị H. Nhưng quá trình lưu giữ bảo quản đã làm thất lạc, nên không thu hồi được.

Sau khi nhận được hồ sơ và tiền, Vũ Ngọc H đã chuyển bản sao giấy chứng minh nhân dân và ảnh của những cá nhân trên cho Vương Văn T để làm giả các chứng chỉ sư phạm dạy nghề của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Thủ đoạn làm giả chứng chỉ của Vương Văn T như sau:

- Cách làm phôi chứng chỉ giả: T căn cứ chứng chỉ mẫu do H đưa cho và vẽ lại trên máy vi tính bằng phần mềm Corel 12, sau đó sử dụng giấy trắng óp 150 mua ngoài thị trường, rồi in phun offset tạo ra nền hoa văn phôi chứng chỉ. Khi in xong thì dùng kéo cắt thủ công để kích cỡ của phôi bằng kích cỡ phôi chứng chỉ thật.

- Về phần chữ in trên chứng chỉ và các trường thông tin của người được cấp chứng chỉ: T căn cứ nội dung thông tin cần in trên hai mặt của chứng chỉ sau đó sử dụng máy vi tính có cài đặt phần mềm Corel 12 tạo các thông tin, kiểu chữ, kích cỡ vị trí theo mẫu chứng chỉ thật rồi in offset và in lưới để tạo các trường thông tin trên phôi chứng chỉ. Thông tin người được cấp chứng chỉ là do H đưa cho T, còn phần số hiệu, số quyết định, số vào sổ, ngày tháng năm được cấp do H tự nghĩ ra để in vào chứng chỉ giả.

- Về phần dấu tròn đỏ nội dung ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI: T chụp lại hình con dấu trên chứng chỉ do T đưa cho rồi sử dụng máy vi tính có cài đặt phần mềm Corel 12 vẽ lại theo kích cỡ thật sau đó in lưới vào chứng chỉ giả.

- Về phần chữ ký dưới mục Hiệu trưởng/Giám đốc đứng tên Trần Đức Q: T chụp lại hình chữ ký trên chứng chỉ do T đưa cho rồi sử dụng máy vi tính có cài đặt phần mềm Corel 12 vẽ lại theo kích cỡ thật sau đó in lưới vào chứng chỉ giả.

- Về ảnh của người được cấp chứng chỉ và hình dấu chìm đóng giáp lai giữa ảnh và phôi chứng chỉ: T dán ảnh của người cần làm chứng chỉ do H đưa cho lên chứng chỉ giả. Tiếp theo T tạo phôi dấu Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trên máy tính có kích cỡ theo mẫu trên chứng chỉ thật do H đưa cho, in ra một tờ giấy rồi dán lên một miếng đồng hình trụ kích cỡ khoảng 4x6cm. Sau đó T bôi lên miếng đồng một lớp dung dịch keo ăn mòn có tác dụng ăn mòn kim loại khi được phơi ra ánh nắng. T đem miếng đồng đi phơi nắng khoảng 15 phút. Do tác dụng của ánh sáng, phần bôi keo được ánh nắng chiếu vào sẽ bị ăn mòn

lõm vào, phần được dán hình dấu không bị ăn mòn sẽ tạo ra con dấu giả. T dùng con dấu giả và búa đóng tạo hình dấu chìm đóng giáp lai giữa ảnh và phôi chứng chỉ.

- Về phần chữ CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, CHỨNG CHỈ SỰ PHẠM DẠY NGHỀ ở phần mặt phía ngoài, T dùng phương pháp thủ công, dùng phần mềm Corel 12 để in và sử dụng nhũ màu vàng cho giống chứng chỉ thật.

Sau khi làm xong chứng chỉ giả, T đưa trực tiếp cho H và nhận tiền theo thỏa thuận từ trước. H đã chuyển cho H, T và T các chứng chỉ giả trên.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ tại Trung tâm dạy nghề và đào tạo lái xe Trường Đại học Hậu cần kỹ thuật Công an nhân dân 16 chứng chỉ sự phạm dạy nghề, dưới mục Hiệu trưởng/giám đốc có hình dấu tròn đỏ “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” có chữ ký dưới mục Hiệu trưởng/ giám đốc đứng tên Trần Đức Q.

- Thu giữ tại Trung tâm đào tạo, sát hạch xe cơ giới T, Bắc Ninh 21 chứng chỉ sự phạm dạy nghề, dưới mục Hiệu trưởng/giám đốc có hình dấu tròn đỏ “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” có chữ ký dưới mục Hiệu trưởng/ giám đốc đứng tên Trần Đức Q.

- Thu do anh Nguyễn Ngọc Tu sinh năm 1984, trú tại thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh tự nguyện giao nộp 01 chứng chỉ sự phạm dạy nghề nghi giả, dưới mục Hiệu trưởng/giám đốc có hình dấu tròn đỏ “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” có chữ ký dưới mục Hiệu trưởng/giám đốc đứng tên Trần Đức Q.

- Thu giữ của Vương Văn T: 01 CPU máy tính màu đen nhãn hiệu AUS đã qua sử dụng; 01 máy scan HP Scanjet G3110 (mặt trắng sữa, đáy màu đen); 01 máy scan Canon canoScan LIDE120 (màu đen); 01 bộ in lưới thủ công bằng (01 bộ khung, 01 bàn cào).

Ngoài ra, vật chứng của vụ án còn có 40 chứng chỉ sự phạm dạy nghề do H và T làm giả đã chuyển cho Phan Anh Tu. Ngày 25/5/2020, sau khi biết cơ quan công an đang điều tra vụ việc, H đã yêu cầu Phan Anh Tu liên hệ với Trường Trung cấp Ngọc Hà để lấy lại rồi cùng T đem tiêu hủy nên không thu hồi được.

Tại Kết luận giám định số 6963/ C09-P5 ngày 23/10/2020, Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận đối với 37 chứng chỉ sự phạm dạy nghề nghi giả đã thu giữ tại Trung tâm dạy nghề và đào tạo lái xe Trường Đại học Hậu cần kỹ thuật Công an nhân dân và Trung tâm đào tạo, sát hạch xe cơ giới T, Bắc Ninh như sau:

“5.1 Mẫu in các chứng chỉ sự phạm dạy nghề cần giám định (ký hiệu A1 đến A37) so với mẫu in Chứng chỉ sự phạm dạy nghề mẫu so sánh (ký hiệu M1)

không phải do cùng các bản in tương ứng in ra, được tạo ra bằng phương pháp in offset.

5.2. Hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A37 không phải là hình dấu đóng trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in lưới.

5.3 Chữ ký đứng tên Trần Đức Q trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A37 không phải là chữ ký trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in lưới”.

Tại kết luận giám định số 8526/ C09-P5 ngày 11/01/2021 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an, kết luận đối với 01 chứng chỉ sư phạm dạy nghề nghi giả đã thu giữ do do anh Nguyễn Ngọc Tu giao nộp, như sau:

“5.1 Mẫu in Chứng chỉ sư phạm dạy nghề cần giám định (ký hiệu A) so với mẫu in của mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng các bản in tương ứng in ra, được tạo ra bằng phương pháp in offset.

5.2. Hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A không phải là hình dấu đóng trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in lưới.

5.3 Chữ ký đứng tên Trần Đức Q trên các mẫu cần giám định ký hiệu A không phải là chữ ký trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in lưới”.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS-HS ngày 05/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố các bị cáo Vũ Ngọc H, Vương Văn T về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc H và Vương Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi năm 2009). Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Điểm a khoản 2 Điều 106, các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội xử phạt các bị cáo Vũ Ngọc H và Vương Văn T mỗi bị cáo 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/8/2020.

Ngoài ra Bản án còn, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2021 bị cáo Vương Văn T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền thu lời bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

+ Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi năm 2009). Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 33 đến 34 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Làm giả con dấu tại liệu của cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình và gia đình bị cáo đã nhờ luật sư nộp toàn bộ tiền thu lời bất chính tại Cục thi hành án dân sự, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối hận đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016 các bị cáo Vũ Ngọc H và Vương Văn T thỏa thuận cùng nhau làm giả chứng chỉ sư phạm dạy nghề của Trường đại học Công Nghiệp Hà Nội mục đích bán kiếm lời. Bị cáo Vũ Ngọc H tìm người có nhu cầu mua chứng chỉ, còn bị cáo Vương Văn T trực tiếp làm các chứng chỉ giả. Mỗi chứng chỉ bị cáo T được hưởng 800.000đ, bị cáo H được hưởng 200.000đ. Hai bị cáo đã làm và bán được 80 chứng chỉ giả thu được 80 triệu đồng trong đó bị cáo T được 64 triệu và bị cáo H được 16 triệu đồng.

Với hành vi trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Ngọc H và Vương Văn T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự 1999 (Sửa đổi 2009) là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt:

Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mức án mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi của bị cáo.

Xét thấy trước lần phạm tội này bị cáo không có tiền án, tiền sự; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức; Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền thu lời bất chính theo án sơ thẩm đã quyết định là 44 triệu đồng, phạm tội với vai trò đồng phạm; Hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo là giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

I. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Văn T.

II. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2021/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo Vương Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi năm 2009). Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vương Văn T 30 tháng tù thời hạn tù tính ngày tạm giữ, tạm giam 26/8/2020.

Xác nhận bị cáo đã nộp 44.000.000đ tiền thu lời bất chính (theo quyết định của bản án sơ thẩm số: 51/2021/HSST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H) tại hai biên lai thu tiền của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội số: 0007237 ngày 20/10/2021 và biên lai số: 0007221 ngày 08/10/2021.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tp Hà Nội;
- TAND và T.H.A DS quận H;
- VKS quận H;
- Công an quận H;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong